

Bản án số: 52/2018/HS-PT

Ngày: 22-5-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Với thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Dung

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũng

Ông Ngô Quang Dũng

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Tố Hoa- Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Hoàng Tùng-
Kiểm sát viên.

Ngày 22/5/2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 47/2018/HSPT ngày 23/02/2018 đối với các bị cáo Phạm Văn Q, Phạm Văn D, Bùi Đức L do có kháng cáo của các bị cáo Q, D, L đối với bản án hình sự sơ thẩm số 02/2018/HSST ngày 05/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang.

**** Các bị cáo có kháng cáo:***

1. Họ và tên: **Phạm Văn Q**, sinh năm 1973; HKTT và chỗ ở: thôn H, xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo : không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn C (đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1933; có vợ Nguyễn Thị Y, sinh năm 1975 và 02 con, con lớn sinh năm 1996 ,con nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ 24/9/2017 đến 27/9/2017, được thay đổi biện pháp ngăn chặn, hiện đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt.

2. Họ tên: **Phạm Văn D**, sinh năm 1967; HKTT và chỗ ở: thôn H, xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 4/10; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo : không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn C (đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1933; có vợ Trần Thị T, sinh năm 1966 và 02 con, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Bản án số 58/HSST ngày 01/12/2011, Tòa án nhân dân huyện H xử 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội : "Đánh bạc" (Đ chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm và hình phạt bổ sung ngày 08/6/2012).

Bị cáo bị bắt quả tang bị tạm giữ từ 24/9/2017 đến 27/9/2017, được thay đổi biện pháp ngăn chặn, hiện đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt.

3. Họ tên: **Bùi Đức L**, sinh năm 1990; HKTT và chỗ ở : thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 9/12 dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo : không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Đức P, sinh năm 1948 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1951; có vợ Nguyễn Thị H, sinh năm 1990 và 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt quả tang bị tạm giữ từ 24/9/2017 đến 27/9/2017, được thay đổi biện pháp ngăn chặn, hiện đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 23/9/2017, Phạm Văn Q - sinh năm 1973, Phạm Văn D - sinh năm 1967 (ở cùng thôn với Q), Nguyễn Văn A- sinh năm 1976, Bùi Văn L- sinh năm 1990, Lê Văn D- sinh năm 1988 (đều ở cùng thôn T, xã T, huyện H) rủ nhau đánh bạc dưới hình thức đánh “ Ba cây ” sát phạt thắng thua bằng tiền. Q là người rải chiếu và chuẩn bị bài rồi cùng D, L, A, Lê Văn D đánh bạc. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, có Lê Văn A - sinh năm 1985, Bùi Như T - sinh năm 1981, Bùi Văn T - sinh năm 1988 (đều ở cùng thôn T, xã T, huyện H) đến nhà Q và cùng tham gia đánh bạc cùng Q, D, Nguyễn Văn A, L, D. Các bị cáo đánh bạc đến 00 giờ 30 phút ngày 24/9/2017, thì bị Công an huyện H bắt quả tang. Vật chứng thu giữ gồm: Thu tại chiếu bạc 14.500.000 đồng, 01 chiếu nhựa, 01 bộ bài tú lơ khơ 36 quân; thu tại túi quần của Phạm Văn Q số tiền 3.600.000 đồng; thu tại túi quần của Nguyễn Văn A số tiền 7.800.000 đồng

Tại Cơ quan điều tra , Phạm Văn Q khai, ngày 23/9/2017 cho các đối tượng đánh bạc tại nhà mình mục đích để thu tiền hồ. Ban đầu Q có 400.000 đồng dùng để đánh bạc, quá trình đánh bạc Q thu tiền “ Hồ ” tổng cộng là 350.000 đồng và cũng dùng số tiền này để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, Q để hết tiền dùng để đánh bạc trên chiếu bạc và đã bị thu giữ. Nguyễn Văn A khai sử dụng 450.000 đồng để đánh bạc. Phạm Văn D khai sử dụng 900.000 đồng để đánh bạc. Bùi Đức L khai, khi tham gia đánh bạc L có 3.500.000 đồng để đánh bạc, trong quá trình đánh bạc L cho T vay 1.000.000 đồng để đánh bạc, sau đó T đánh bạc thắng và đã trả L số tiền trên. Bùi Như T khai, sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc và bị thua hết và có vay của Bùi Văn L 1.000.000 đồng để đánh bạc và lại bị thua; T tiếp tục vay của Lê Văn A số tiền 1.000.000 đồng để đánh bạc tiếp thì T thắng bạc và đã trả tiền A và L. Lê Văn A khai, sử dụng 800.000 đồng để đánh bạc và đánh thắng, quá trình đánh bạc A cho T vay 1.000.000 đồng để đánh bạc, sau đó T đã trả tiền cho A; khi bị bắt A bị thu giữ 7.800.000 đồng là tiền của bà Nguyễn Thị S(Mẹ A) đưa cho tối ngày 23/ 9/ 2017 để chữa bệnh cho vợ A không dùng đánh bạc. Bùi Văn T khai sử dụng 1.700.000 đồng để đánh bạc. Lê Văn D khai sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc. Nguyễn Văn A, Lê Văn A, Bùi Như T, Phạm Văn D, Lê Văn D, Bùi Đức L, Bùi Văn T khai, khi đánh bạc mỗi đối tượng có đưa cho Phạm Văn Q 50.000 đồng (gọi là tiền hồ)

Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra xác định số tiền 3.600.000 đồng thu giữ trên người Phạm Văn Q và 7.800.000 đồng thu giữ trên người Lê Văn A là của Q và A không liên quan đến việc đánh bạc.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Phạm Văn Q, Nguyễn Văn A, Lê Văn A, Lê Văn D, Bùi Đức L, Phạm Văn D, Bùi Văn T, Bùi Như T đều thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật, không oan. Các bị cáo khai nhận:

-Phạm Văn Q khai: Ngày 23/9/2017, Q cho Nguyễn Văn A, Lê Văn A, Lê Văn D, Bùi Đức L, Phạm Văn D, Bùi Văn T, Bùi Như T đánh bạc tại nhà mình mục đích để thu tiền hồ và trực tiếp đánh bạc cùng các bị cáo khác. Lúc đầu Q có 400.000 đồng dùng để đánh bạc, quá trình đánh bạc Q thu của mỗi đối tượng 50.000 đồng, tổng cộng là 350.000 đồng và cũng dùng số tiền này để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, Q để hết tiền dùng để đánh bạc trên chiếu bạc và đã bị thu giữ. Số tiền 3.600.000 đồng thu giữ trên người Phạm Văn Q là tiền không đánh bạc. Trong quá trình đánh bạc không có ai tổ chức, canh gác, cầm cố. Bị cáo nhận thức được đã vi phạm pháp luật và ăn năn, hối cải.

- Nguyễn Văn A khai sử dụng 450.000 đồng để đánh bạc. Bị cáo nhận thức được đã vi phạm pháp luật và ăn năn, hối cải.

- Phạm Văn D khai sử dụng 900.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, bị cáo không bị thu giữ gì. Bị cáo nhận thức được đã vi phạm pháp luật và ăn năn, hối cải.

- Bùi Đức L khai: Long có 3.500.000 đồng để đánh bạc, trong quá trình đánh bạc L cho T vay 1.000.000 đồng để đánh bạc, sau đó T đánh bạc thắng và đã trả L số tiền trên. Bị cáo nhận thức được đã vi phạm pháp luật và ăn năn, hối cải.

- Bùi Như T khai, sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc và bị thua hết và có vay Bùi Đức L 1.000.000 đồng để đánh bạc và lại bị thua. T tiếp tục vay của Lê Văn A số tiền 1.000.000 đồng để đánh bạc tiếp thì T thắng bạc và đã trả tiền A và L. Bị cáo nhận thức được đã vi phạm pháp luật và ăn năn, hối cải.

- Lê Văn A khai, sử dụng 800.000 đồng để đánh bạc; quá trình đánh bạc A cho T vay 1.000.000 đồng để đánh bạc, sau đó T đã trả tiền cho A. Số tiền 7.800.000 đồng thu giữ trên người A là tiền của bà S (Mẹ A) đưa cho A tối ngày 23/ 9/ 2017 để chữa bệnh cho vợ A và không dùng vào việc đánh bạc, bị cáo đề nghị trả số tiền trên cho bà S. Bị cáo nhận thức được đã vi phạm pháp luật và ăn năn, hối cải.

- Bùi Văn T khai, sử dụng 1.700.000 đồng để đánh bạc. Bị cáo nhận thức được đã vi phạm pháp luật và ăn năn, hối cải.

- Lê Văn D khai, sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc. Bị cáo nhận thức được đã vi phạm pháp luật và ăn năn, hối cải.

Các bị cáo đều khai nhận: Quá trình đánh bạc không có ai tổ chức, canh gác, cầm cố.

- Bà Nguyễn Thị S trình bày: 7.800.000 đồng là tiền của bà S đưa cho A tối ngày 23/ 9/ 2017 để chữa bệnh cho vợ A, bà S đề nghị được hoàn trả số tiền trên.

Tại bản cáo trạng số 01/ KSĐT ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố các bị cáo Phạm Văn Q, Nguyễn Văn A, Lê Văn A, Lê Văn D, Bùi Đức L, Phạm Văn D, Bùi Văn T, Bùi Như T phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1, Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999.

Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2018/HSST ngày 05/01/2018 của TAND huyện H, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn Q, Phạm Văn D, Bùi Đức L phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự, các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, xử phạt bị cáo Phạm Văn Q 06 tháng tù (Được trừ thời gian bị tạm giữ từ 24/9/2017 đến 27/ 9/ 2017) thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm p, khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự, các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, xử phạt bị cáo Phạm Văn D 05 tháng tù (Được trừ thời gian bị tạm giữ từ 24/9/2017 đến 27/ 9/ 2017), thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự; các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, xử phạt bị cáo Bùi Đức L 06 tháng tù (Được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ 24/9/2017 đến 27/ 9/ 2017) thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Phạt bổ sung các bị cáo Phạm Văn Q, Phạm Văn D, Bùi Đức L mỗi bị cáo 4 .000.000 đồng

Ngoài ra bản án còn tuyên phạt các bị cáo khác, phần xử lý vật chứng, phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/01/2018 bị cáo Phạm Văn Q kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: án sơ thẩm xử như vậy quá nặng, bị cáo phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, là lao động chính trong gia đình. Bị cáo đã tự nguyện nộp 4,4 triệu đồng tiền phạt và tiền án phí. Đề nghị Tòa án cho bị cáo được hưởng án treo.

Ngày 15/01/2018 bị cáo Phạm Văn D kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: án sơ thẩm xử như vậy quá nặng, bị cáo phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo. Bị cáo bị bệnh tiểu đường típ 4, vẫn phải thường xuyên điều trị hàng tháng, là người tham gia kháng chiến, có công với cách mạng. Bị cáo đã tự nguyện nộp 4,4 triệu đồng tiền phạt và tiền án phí. Đề nghị Tòa án cho bị cáo được hưởng án treo.

Ngày 12/01/2018 bị cáo Bùi Đức L kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung đề nghị Tòa án cho bị cáo được hưởng án treo với lý do: bị cáo phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo. Hoàn cảnh gia đình khó khăn, mẹ già, con còn nhỏ cần chăm sóc. Bị cáo đã tự nguyện nộp 4,4 triệu đồng tiền phạt và tiền án phí.

Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo Phạm Văn Q, Phạm Văn D, Bùi Đức L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo với lý do: Các bị cáo phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, hoàn cảnh gia đình khó khăn (bị cáo Q là lao động chính trong gia đình, bị cáo D bị bệnh tiểu đường típ 4, bị cáo L có mẹ già con nhỏ). Các bị

cáo đã tự nguyện nộp 4.400.000đ tiền phạt và tiền án phí. Các bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: án sơ thẩm xử các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, xử y án sơ thẩm.

Các bị cáo không có tranh luận gì.

Các bị cáo Phạm Văn Q, Phạm Văn D và Bùi Đức L nói lời sau cùng đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn Q, Phạm Văn D và Bùi Đức L đã nộp theo đúng các quy định của pháp luật nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp cần được chấp nhận để xem xét.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo: Do mục đích được thua bằng tiền nên từ khoảng 21 giờ 30 phút ngày 23/ 9/ 2017 đến 00 giờ 30 phút ngày 24/ 9/ 2017, tại nhà Phạm Văn Q ở thôn H, xã T, huyện H, các bị cáo Phạm Văn Q, Nguyễn Văn A, Lê Văn A, Lê Văn D, Bùi Đức L, Phạm Văn D, Bùi Văn T, Bùi Như T đã đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh “ Ba cây ” và bị Công an huyện H bắt quả tang, tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 14.500.000 đồng.

Như vậy hành vi của Phạm Văn Q, Phạm Văn D, Bùi Đức L đã phạm vào tội “Đánh bạc”; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999. Từ những nội dung trên án sơ thẩm xét xử bị cáo Phạm Văn Q, Phạm Văn D, Bùi Đức L về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo thấy:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến trật tự công cộng, gây mất trật tự xã hội, tạo dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng tới hạnh phúc và kinh tế cũng như sản xuất của nhiều gia đình, là cơ sở phát sinh nhiều tội phạm khác. Sau khi xử sơ thẩm xong, trong quá trình giải quyết ở cấp phúc thẩm, bị cáo Bùi Đức L đã nộp 4.400.000 đồng tiền phạt và tiền án phí sơ thẩm tại biên lai thu tiền số AA/2012/00 433 ngày 12/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bắc Giang, bị cáo Phạm Văn D đã nộp 4.400.000 đồng tiền phạt và tiền án phí sơ thẩm tại biên lai thu tiền số AA/2012/00432 ngày 12/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, bị cáo Phạm Văn Q đã nộp 4.400.000 đồng tiền phạt và tiền án phí sơ thẩm tại biên lai thu tiền số AA/2012/00431 ngày 12/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự ở cấp phúc thẩm mà cấp sơ thẩm chưa được áp dụng.

Đối với bị cáo Phạm Văn Q có vai trò chính, là chủ nhà, đã để cho các bị cáo khác đánh bạc tại nhà mình, mục đích thu tiền hồ, vừa trực tiếp đánh bạc với số tiền 750.000đ. Bị cáo Phạm Văn D có 900.000đ dùng để đánh bạc, tuy nhiên lại có nhân thân xấu, ngày 01/12/2011 bị TAND huyện H xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “đánh bạc” nhưng bị cáo D không lấy đó làm bài học, rèn luyện, tu dưỡng bản thân mà lại tiếp tục đánh bạc, chứng tỏ bị cáo là con người coi thường pháp luật. Do đó phải có hình phạt tù nghiêm, cách ly các bị cáo Phạm Văn Q và Phạm Văn D ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người tốt.

Án sơ thẩm đã xem xét vai trò mức độ phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ phạt bị cáo Q 06 tháng tù, phạt bị cáo D 05 tháng tù và buộc phải cách ly khỏi xã hội là có căn cứ phù hợp pháp luật và đảm bảo đấu tranh phòng chống loại tội phạm đánh bạc ngày càng gia tăng trong tình hình hiện nay trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Lý do kháng cáo mà các bị cáo đưa ra để xin hưởng án treo cũng không thỏa mãn yêu cầu của pháp luật.

Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ đơn kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn Q và Phạm Văn D; giữ nguyên bản án sơ thẩm là đúng quy định và phù hợp pháp luật.

Đối với bị cáo Bùi Đức L được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h,p khoản 1 Điều 46, bị cáo có nhân thân tốt, xuất thân từ thành phần nhân dân lao động, phạm tội lần đầu, có nơi cư trú ổn định. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết buộc phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà cho cải tạo tại địa phương có thời gian thử thách cũng đủ giáo dục bị cáo trở thành con người tốt. Bị cáo có đủ điều kiện hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ phân tích trên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Đức L, giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo để phù hợp với các quy định của pháp luật và tương xứng tính chất mức độ hành vi phạm tội.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm:

Do kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn Q và Phạm Văn D không được chấp nhận nên các bị cáo Phạm Văn Q và Phạm Văn D phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo điểm a, khoản 2, Điều 23- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo Bùi Đức L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn Q, Phạm Văn D, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Đức L, sửa bản án sơ thẩm giữ nguyên mức hình phạt tù và cho bị cáo L hưởng án treo.

+ Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự 1999 được sửa đổi bổ sung 2009 xử phạt bị cáo Phạm Văn Q 06 tháng tù, được trừ thời gian bị tạm giữ từ 24/9/2017 đến 27/9/2017, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

+ Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm p, khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự 1999 được sửa đổi bổ sung 2009, xử phạt bị cáo Phạm Văn D 05 tháng tù, được trừ thời gian bị tạm giữ từ 24/9/2017 đến 27/9/2017, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

+ Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 53; Điều 20; Điều 60 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Bùi Đức L 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo Bùi Đức L cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

[2]. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng điểm a, khoản 2, Điều 23- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Phạm Văn Q và Phạm Văn D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Bùi Đức L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- VKSND huyện H;
- TAND huyện H;
- Công an huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Bị cáo;
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Dung

